

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK GLONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HS-ST

Ngày 07 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đức và ông Lý Văn Hoè

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Duy Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Bạch Đình Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 79/2023/TLST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST - HS, ngày 23 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Đăng T, sinh năm 1967 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng B và bà Lê Thị S; bị cáo có vợ Nguyễn Thị T và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ ngày 20-9-2023, sau đó chuyển tạm giam - có mặt

Nguyên đơn dân sự: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q

Địa chỉ: Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Hữu D, chức vụ: Giám đốc, có mặt.

Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

- Anh Vũ Việt H, địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, vắng mặt.

- Anh Vũ Văn T, địa chỉ: Thôn 4, xã T, huyện C, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

- Anh Đào Đình C, địa chỉ: Thôn Quảng Hợp, Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng cuối năm 2010, Nguyễn Đăng T cùng Vũ Việt H đến tiểu khu 1672, thuộc địa phận Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông dùng dao chặt phát rừng, dựng lán ở và làm rẫy. Một thời gian sau, do bị bệnh nên T và H dừng việc chặt phát rừng để T đi điều trị bệnh, giao lại diện tích đã chặt phát cho H trông cây ngăn ngày và trông coi, quản lý.

Đến khoảng tháng 11-2011, T và H chuyển đến xã Q sinh sống. Lúc này, chị gái của H là Vũ Thị T cùng chồng là Vũ Văn T từ huyện C lên chơi và quen biết với T. Thấy T và H không có việc làm nên T nói vào khu vực rừng mà T và H đã chặt phát trước đó để tiếp tục chặt phát rừng, T trả công bằng đất hoặc trả cho H 20.000.000 đồng/năm, trả cho T 200.000 đồng/ngày thì H và T đồng ý. Sau đó, T mua 02 con dao phát, 01 cưa xăng, chăn màn, T ăn, xăng nhớt, đồ dùng cần thiết cho T và H vào ở trong lán để cưa, chặt phát rừng. Hàng ngày, T và H dùng dao và cưa xăng cắt, chặt phát theo hướng từ dưới chân đồi lên tới đỉnh đồi theo vị trí mà T chỉ.

Trong thời gian này, Đào Đình C gặp T, nhờ giới thiệu chỗ mua đất canh tác thì T nói với T và H dẫn C vào xem diện tích rừng mà T thuê H và T cưa, chặt phát. Sau khi xem đất, C đồng ý mua 30 hecta với giá 10.000.000 đồng/hecta, với điều kiện T phải chặt phát hết cây cối trên đất. Ngày 26-10-2011 (*âm lịch*), C đặt cọc số tiền 50.000.000 đồng, T nhờ H viết 02 “*Giấy giao kèo chuyển nhượng đất*” để T và C ký rồi mỗi người giữ một bản. Sau đó, T tiếp tục mua dao, vông, xăng nhớt, thực phẩm cho H và T cưa hạ, chặt phát rừng để bán cho C. Đến gần tết âm lịch năm 2012, H và T báo cho T biết đã chặt phát được tổng diện tích khoảng 10 hecta rừng. Đến cuối năm 2012, C bán lại diện tích đất rừng mua của T cho Bùi Văn Bé H và một số người khác để làm rẫy thì bị cơ quan chức năng phát hiện. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đã triệu tập T lên làm việc, ghi lời khai, sau đó T bỏ trốn. Đến ngày 20-9-2023, Nguyễn Đăng T bị bắt truy nã.

Hiện trường nơi xảy ra vụ án là khu vực rừng thuộc lô 10, khoảnh 1, lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 1632 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q quản lý. Tổng diện tích rừng bị hủy hoại là 8,467 ha.

Tại Bản kết luận giám định ngày 18-12-2012 của Giám định viên Đỗ Ngọc T kết luận: Về trạng thái rừng: Trạng thái rừng gỗ+Lo; về loại rừng: khu vực rừng bị chặt phá thuộc lô 10, khoảnh 1, lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 1632 được quy hoạch rừng sản xuất; về mức độ thiệt hại về rừng: Thiệt hại 100%.

Về mức độ thiệt hại quy ra tiền Việt Nam đồng: Trữ lượng gỗ bình quân/ha: 99m³/ha; trữ lượng gỗ bị thiệt hại = 99 x 8,467ha = 836,154m³; loài cây chủ yếu: Gỗ tạp từ nhóm 5 - 7 (*Lấy nhóm trung bình là 6*);

Thiệt hại rừng quy thành tiền được tính theo công T sau: = {Trữ lượng gỗ bị thiệt hại x Tỷ lệ lợi dụng gỗ (60%)} x đơn giá/01m³

= {836,154m³ * 60%} * 1.800.000 đồng = 903.046.320 đồng (*Chín trăm lẻ ba triệu không trăm bốn sáu ngàn ba trăm hai mươi đồng*).

Giá thiệt hại tính bằng tiền về môi trường: được tính áp dụng vào mục III của Thông tư liên tịch số 65/2008/TTLT-BNN-BTC ngày 26-5-2008 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và Bộ tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 48/2007/NĐ-CP là bằng giá trị thiệt hại về lâm sản nhân với hệ số K; Đối với rừng sản xuất, hệ số K = 3.

Giá trị thiệt hại về môi trường = 903.046.320 đồng x 3 = 2.709.138.960 đồng (*Hai tỷ bảy trăm lẻ chín triệu một trăm ba mươi tám ngàn chín trăm sáu mươi đồng*).

Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích 84.670m² được tính bằng tiền là: 903.046.320 đồng + 2.709.138.960 đồng = 3.612.185.280 đồng (*Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm tám mươi đồng*).

Tại Bản kết luận giám định bổ sung ngày 20-6-2013 của Giám định viên Đỗ Ngọc T kết luận:

Giá trị thiệt hại về rừng và môi trường tính cho từng đối tượng là:

Đối với diện tích 1,985 ha do Nguyễn Đăng T và Vũ Việt H trực tiếp chặt phá như sau:

Tỷ lệ lợi dụng gỗ là: 1,985 x 98,754m³/ha x 60% = 117,617 m³

Số tiền thiệt hại về gỗ = Trữ lượng gỗ bị thiệt hại x Đơn giá/01m³ = 117,617 m³ x 1.800.000đ = 217.710.240 đồng (*Hai trăm mười bảy triệu bảy trăm mười ngàn hai trăm bốn mươi đồng*).

Giá trị thiệt hại về môi trường: $217.710.240 \text{ đồng} \times 3 = 635.130.720 \text{ đồng}$
(Sáu trăm ba mươi lăm triệu một trăm ba mươi ngàn bảy trăm hai mươi đồng).

Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích 19.850 m^2 được tính bằng tiền là:

$217.710.240 \text{ đồng} + 635.130.720 \text{ đồng} = 846.840.960 \text{ đồng}$ (Tám trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi ngàn chín trăm sáu mươi đồng).

Đối với diện tích $5,045 \text{ ha}$ do Vũ Đăng T và Vũ Viết H trực tiếp tiếp chặt phá như sau:

Tỷ lệ lợi dụng gỗ là: $5,045 \times 98,754 \text{ m}^3/\text{ha} \times 60\% = 298,930 \text{ m}^3$

Số tiền thiệt hại về gỗ = Trữ lượng gỗ bị thiệt hại x Đơn giá/ $01 \text{ m}^3 = 98,930 \text{ m}^3 \times 1.800.000 \text{ đ} = 538.073.280 \text{ đồng}$ (Năm trăm ba mươi tám triệu không trăm bảy mươi ba ngàn hai tám mươi đồng).

Giá trị thiệt hại về môi trường: $538.073.280 \text{ đồng} \times 3 = 1.614.219.840 \text{ đồng}$
(Một tỷ sáu trăm mười bốn triệu hai trăm mười chín ngàn tám trăm bốn mươi đồng)

Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích 50.450 m^2 được tính bằng tiền là: $538.073.280 \text{ đồng} + 1.614.219.840 \text{ đồng} = 2.152.293.120 \text{ đồng}$ (Hai tỷ một trăm năm hai triệu hai trăm chín mươi ba ngàn một trăm hai mươi đồng).

Đối với diện tích $1,437 \text{ ha}$ do Đào Đình C sau khi mua của Nguyễn Đăng T như sau:

Tỷ lệ lợi dụng gỗ là: $1,437 \times 98,754 \text{ m}^3/\text{ha} \times 60\% = 85,146 \text{ m}^3$

Số tiền thiệt hại về gỗ = Trữ lượng gỗ bị thiệt hại x Đơn giá/ $01 \text{ m}^3 = 85,146 \text{ m}^3 \times 1.800.000 \text{ đồng} = 153.262.800 \text{ đồng}$ (Một trăm năm mươi ba triệu hai trăm sáu mươi hai ngàn tám trăm đồng).

Giá trị thiệt hại về môi trường: $153.262.800 \text{ đồng} \times 3 = 459.788.400 \text{ đồng}$
(Bốn trăm năm mươi chín triệu bảy trăm tám tám ngàn bốn trăm đồng).

Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích 14.370 m^2 được tính bằng tiền là: $153.262.800 \text{ đồng} + 459.788.400 \text{ đồng} = 613.051.200 \text{ đồng}$ (Sáu trăm mười ba triệu không trăm năm mươi một ngàn hai trăm đồng).

Đối với diện tích $0,874 \text{ ha}$ sau khi Bùi Văn Bé H mua của Đào Đình C như sau:

Tỷ lệ lợi dụng gỗ là: $0,874 \times 98,754 \text{ m}^3/\text{ha} \times 60\% = 51,787 \text{ m}^3$

Số tiền thiệt hại về gỗ = Trữ lượng gỗ bị thiệt hại x Đơn giá/ $01 \text{ m}^3 = 51,787 \text{ m}^3 \times 1.800.000 \text{ đ} = 93.215.880 \text{ đồng}$ (Chín mươi ba triệu hai trăm mười lăm ngàn tám trăm tám mươi đồng).

Giá trị thiệt hại về môi trường: $93.215.880 \times 3 = 279.647.640$ đồng (Hai trăm bảy mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi đồng).

Tổng giá trị thiệt hại trên diện tích 8.740 m² được tính bằng tiền là: 93.215.880 đồng + 279.647.640 đồng = 372.863.520 đồng (Ba trăm bảy mươi hai triệu tám trăm sáu mươi ba ngàn năm trăm hai mươi đồng).

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk Glong đã thu giữ: 02 Giấy giao kèo chuyển nhượng đất (người sang nhượng: Nguyễn Đăng T, người nhận: Đào Đình C) do Nguyễn Đăng T, Đào Đình C giao nộp; 01 Giấy sang nhượng đất (người sang nhượng Đào Đình C) do Bùi Văn Bé H giao nộp; đối với 02 con dao H và T dùng để chặt phát rừng, Cơ quan CSĐT Công an huyện đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với 01 cửa xăng, H và T khai đã đưa lại cho T nhưng quá trình điều tra T không thừa nhận nên không thu giữ được.

Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đăk Glong (đã có hiệu lực pháp luật) nên không đề cập.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng do Nguyễn Đăng T phạm tội mà có: căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị truy thu, sung quỹ nhà nước.

Bản cáo trạng số 02/CT-VKS ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông truy tố bị cáo Nguyễn Đăng T về tội “Huỷ hoại rừng” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Glong truy tố đối với bị cáo là đúng, không oan.

Kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung vụ án Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng T phạm tội “Huỷ hoại rừng”, về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T từ 08 năm 06 tháng đến 09 năm tù; các biện pháp tư pháp: Đối với các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đăk Glong (đã có hiệu lực pháp luật) nên không đề cập.

Đối với số tiền 50.000.000 đồng do Nguyễn Đăng T phạm tội mà có: căn cứ điểm b, khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm b, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị truy thu, sung quỹ nhà nước.

* *Về trách nhiệm dân sự:* Đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đắk Glong (đã có hiệu lực pháp luật) nên không đề cập.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội của mình, bị cáo ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên; Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã được thu thập lưu trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Các chứng cứ buộc tội và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đối với việc giải quyết vụ án là có căn cứ pháp lý qua đó xác định: Trong khoảng thời gian từ cuối năm 2010 đến cuối năm 2012, tại khu rừng sản xuất thuộc lô 10, khoảnh 1, lô 1, khoảnh 3, tiểu khu 1632 do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q quản lý, thuộc lâm phận Xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nguyễn Đăng T đã trực tiếp hủy hoại rừng và thuê Vũ Viết H, Vũ Văn T hủy hoại rừng với tổng diện tích 8,467 ha để bán cho Đào Đình C. Tổng giá trị thiệt hại tính bằng tiền là: 3.612.185.280 đồng (Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu một trăm tám mươi lăm ngàn hai trăm tám mươi đồng). Do đó hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Hủy hoại rừng” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 1999

Điều 189 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định như sau:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn

vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Huỷ hoại diện tích rừng đặc biệt lớn;

...

[3]. Hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực khai thác và bảo vệ rừng ảnh hưởng đến sự ổn định và bền vững của môi trường, làm tổn hại đến công tác quản lý, chăm sóc và bảo vệ rừng nói chung và công tác bảo vệ rừng của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q nói riêng, bị cáo nhận T được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do động cơ vụ lợi cá nhân và ý T xem thường pháp luật nên vẫn thực hiện; xét vai trò của bị cáo trong việc huỷ hoại rừng, bị cáo là người khởi sự, trực tiếp tham gia huỷ hoại, chuẩn bị công cụ và thuê các đối tượng khác thực hiện hành vi huỷ hoại rừng; sau khi phạm tội trong khi bị cáo và các đối tượng khác đã bị phát hiện và chờ xử lý thì bị cáo lại bỏ trốn, gây khó khăn cho cơ quan điều tra; bị cáo chưa khắc phục thiệt hại so với các đối tượng khác do đó cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tự cải tạo, giáo dục đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[4]. Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo về tội danh và mức hình phạt áp dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6]. Về xử lý vật chứng: Đối với các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đắk Glong (đã có hiệu lực pháp luật) nên không xem xét xử lý.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Xét số tiền 50.000.000 đồng do Nguyễn Đăng T nhận từ Đào Đình C do phạm tội mà có nên cần truy thu, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đắk Glong (*đã có hiệu lực pháp luật*) nên không xem xét giải quyết.

Sau khi hoàn tất việc bồi thường thiệt hại theo phần cho Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Q và thiệt hại về môi trường, các anh Vũ Việt H, Vũ Văn T, Đào Đình C và Bùi Văn Bé H có quyền khởi kiện bị cáo Nguyễn Đăng T thành một vụ án dân sự khác.

Đối với việc Đào Đình C khai nhận giao cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng (ngoài số tiền 50.000.000 đồng phải truy thu của bị cáo), không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có căn cứ truy thu của bị cáo số tiền này.

[8]. Đối với hành vi huỷ hoại rừng của Vũ Việt H, Vũ Văn T, Đào Đình C và Bùi Văn Bé H đã được xử lý tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đắk Glong (*đã có hiệu lực pháp luật*) nên không xem xét xử lý.

[9]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10]. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đăng T phạm tội “Huỷ hoại rừng”

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 189 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đăng T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 20-9-2023).

2. Về vật chứng: Đối với các vật chứng thu giữ trong quá trình điều tra đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đắk Glong (*đã có hiệu lực pháp luật*) nên không xem xét xử lý.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46, điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Truy thu, buộc bị cáo phải nộp lại số tiền 50.000.000 đồng, do phạm tội mà có nộp ngân sách Nhà nước.

3. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 51/2013/HSST ngày 30-9-2013 của TAND huyện Đắk Glong (đã có hiệu lực pháp luật) nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Đăng T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn dân sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến việc bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đắk Glong;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (để biết);
- Bị cáo;
- Lưu .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phạm Đình Hưng